TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 5 – 2025
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Tuấn

2. Ông Trần Văn Phước

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Yến Phi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 118/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025 về việc "ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1968

Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Anh Quảng Văn D1, sinh năm 1966

Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị D và anh D1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 03 năm 2025 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày: Chị và anh Quảng Văn D1 tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 1994, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2020, chị và anh D1 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do

tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Mỗi lần cải nhau anh D1 thường đánh chị nhiều lần. Lúc đầu, chị cũng nhịn cho qua để cùng nuôi dạy con cái nhưng anh D1 không thay đổi. Chị và anh D1 đã ly thân từ năm 2020, chị và anh D1 không còn quan tâm với nhau. Đến khoảng tháng 4 năm 2024, anh D1 đánh chị và chị có trình báo chính quyền địa phương. Đến tháng 9 năm 2024, chị đã đi khỏi nhà không còn sống chung với anh D1 nữa. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Quảng Văn D1. Về con chung, chị và anh D1 có một người con chung tên Quảng Việt Đ, sinh ngày 18/8/2001, hiện nay đang sống chung với chị. Do cháu Đ đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Quảng Văn D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận chị D và anh D1 là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí, chị D phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Chị **D** khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh **D1**. Khi khởi kiện, anh **D1** trú tại ấp **M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu**. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt chị D và anh D1.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy, chị D và anh D1 có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng chị D và anh D1 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 mà không đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa chị D và anh D1 là hôn nhân không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay chị D yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh D1.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, chị D và anh D1 có một người con chung tên Quảng Việt Đ, sinh ngày 18/8/2001, hiện nay đang sống chung với chị. Do cháu Q Đ đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị D phải chịu 300.000 đồng. Chị Trần Thị D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0003297 ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long được chuyển thu án phí.

[7] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị D và anh Quảng Văn D1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh Quảng Việt Đ, sinh năm 2001 đã trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Chị Trần Thị D phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Trần Thị D đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0003297 ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long được chuyển thu án phí.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi Cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Nguyễn Hồng Đào